

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán*

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**
Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08)38205.944 - (08)38205.947; Fax:(08)38205.942

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 04
Báo cáo kiểm toán	05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2009	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2009	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009	12 – 25

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 432 Lý Thái Tổ, Phường 10, Quận 10, Tp.HCM

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thiên Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Công ty Cổ Phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thiên Nam là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước “Công ty thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu quận 10” theo Quyết định số 58/2000/QĐ-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000195 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Kinh doanh, thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng nông, thủy hải sản, lương thực, thực phẩm, điện tử, xe gắn máy, nguyên nhiên vật liệu, vật tư, máy móc thiết bị, phân bón, phương tiện vận tải, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, mỹ phẩm;
- Dịch vụ nhận ủy thác xuất nhập khẩu các mặt hàng Nhà nước cho phép;
- Tổ chức các hoạt động dịch vụ cầm đồ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, karaoke (không kinh doanh tại trụ sở), cho thuê văn phòng đại diện, kinh doanh vàng bạc, salon auto, sửa chữa xe, tráng rọi ảnh màu, máy văn phòng, photocopy, diệt trừ mối;
- Mua bán, đại lý, ký gởi các mặt hàng công nghệ phẩm, lương thực, thực phẩm, vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, rượu, thuốc lá nội, nông sản, thủy hải sản, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư, máy móc thiết bị, mỹ phẩm, sách và văn hóa phẩm;
- Mua bán hàng điện gia dụng, hạt nhựa, vật tư ngành ảnh, văn phòng phẩm, băng nhạc - đĩa nhạc, đồ điện gia dụng, giày da, túi xách, đồng hồ, mắt kính, cơ điện lạnh, máy giặt, xe gắn máy và phụ tùng, xe đạp, quần áo, bia, nước giải khát (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống);
- Đại lý ký gởi hàng hóa;
- Thu mua và chế biến hàng nông-thủy-hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ sửa chữa máy ảnh, chụp ảnh, quay video, cho thuê đồ cưới, cho thuê xe du lịch;
- Cho thuê, kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Mua bán sắt thép, kim loại phế liệu và dịch vụ phá dỡ tàu thuyền, ô tô cũ (không hoạt động tại trụ sở);
- Mua bán xe ô tô;
- Mua bán gỗ rừng trồng, gỗ nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Kinh doanh lẻ hành nội địa.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hiệp

Chủ tịch

(bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2002)

Ông Nguyễn Quang Hòa

Phó Chủ tịch

(bổ nhiệm ngày 27 tháng 03 năm 2008)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 432 Lý Thái Tổ, Phường 10, Quận 10, Tp.HCM

Ông Hồ Thái Hà	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2007)
Ông Ngô Hữu Hoàn	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2007)
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2006)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Ngô Hữu Hoàn	Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2007)
Ông Vương Kim Phụng	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh	(bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2006)
Bà Nguyễn Thị Ánh Hương	Kế toán trưởng	(bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2008)

Các thành viên của Ban kiểm soát bao gồm:

Ông Vương Quang Diệu	Trưởng ban	(bổ nhiệm ngày 26 tháng 03 năm 2008)
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 26 tháng 03 năm 2008)
Bà Trần Thị Thu Liễu	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2005)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác soát xét cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2009 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2010

TM. Ban Tổng Giám Đốc
Tổng Giám đốc

Ngô Hữu Hoàn

Số: 133/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 của Công ty CP Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thiên Nam

Kính gửi: - Hội đồng quản trị Công ty CP Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thiên Nam
- Ban Giám đốc Công ty CP Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thiên Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 của Công ty CP Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thiên Nam được lập ngày 22 tháng 02 năm 2010 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thiên Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Để hiểu rõ hơn về tình hình tài chính của đơn vị cần đọc các ghi chú trong phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2010

**Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)**

Tổng Giám đốc



Đỗ Khắc Thanh
Chứng chỉ KTV Đ0064/KTV

Kiểm toán viên



Đinh Thế Đường
Chứng chỉ KTV 0342/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 432 Lý Thái Tổ, Phường 10, Quận 10, Tp.HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		387.208.031.194	187.527.715.995
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	80.816.837.265	3.339.463.601
1. Tiền	111		80.816.837.265	3.339.463.601
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2		3.970.703.926
1. Đầu tư ngắn hạn	121			3.970.703.926
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	3	79.156.153.459	91.459.906.925
1. Phải thu khách hàng	131	3.1	65.052.850.667	69.009.103.128
2. Trả trước cho người bán	132	3.2	13.839.193.213	19.448.281.983
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	3.3	264.109.579	3.002.521.814
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140	4	212.957.914.110	81.123.482.932
1. Hàng tồn kho	141	4.1	213.474.889.110	81.123.482.932
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	4.2	(516.975.000)	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	5	14.277.126.360	7.634.158.611
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.1	21.823.592	11.400.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.2	2.958.287.390	2.984.439.411
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.3	7.223.636.364	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	4.073.379.014	4.638.319.200
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260 + 269)	200		77.983.501.700	16.322.759.408
II. Tài sản cố định	220		42.661.080.169	12.608.434.443
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	3.067.977.790	2.030.213.634
- Nguyên giá	222		5.011.773.665	3.707.615.438
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.943.795.875)	(1.677.401.804)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7	39.593.102.379	10.578.220.809
III. Bất động sản đầu tư	240	8	3.340.488.743	3.460.484.644
- Nguyên giá	241		4.988.397.033	4.668.930.628
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(1.647.908.290)	(1.208.445.984)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	31.700.000.000	
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	9.1	30.200.000.000	
3. Đầu tư dài hạn khác	258	9.2	1.500.000.000	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260	10	281.932.788	253.840.321
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.1	194.847.076	253.840.321
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	10.2	12.085.712	
3. Tài sản dài hạn khác	268	10.3	75.000.000	
VI. Lợi thế thương mại	269			
TONG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		465.191.532.894	203.850.475.403

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 432 Lý Thái Tổ, Phường 10, Quận 10, Tp.HCM

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		297.270.538.020	106.817.363.092
I. Nợ ngắn hạn	310	11	294.246.786.401	103.952.560.755
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11.1	179.752.282.532	63.143.770.907
2. Phải trả người bán	312	11.2	2.626.427.484	743.559.692
3. Người mua trả tiền trước	313	11.3	86.801.320.539	24.680.391.546
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11.4	3.984.447.927	1.767.661.237
5. Phải trả người lao động	315	11.5	2.682.666.858	2.082.189.386
6. Chi phí phải trả	316	11.6	246.482.861	162.152.500
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11.7	18.153.158.200	11.372.835.487
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II. Nợ dài hạn	330		3.023.751.619	2.864.802.337
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	12	3.023.751.619	2.864.802.337
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		167.598.676.096	97.033.112.311
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	167.071.476.780	97.057.751.851
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	33.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		55.186.113.637	42.681.336.364
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(2.483.300)	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(592.112.694)	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.460.555.259	6.999.611.756
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.564.385.060	1.526.878.696
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		(131.980.710)	(303.852.499)
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		20.586.999.528	13.153.777.534
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		527.199.316	(24.639.540)
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		527.199.316	(24.639.540)
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		322.318.778	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		465.191.532.894	203.850.475.403

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		398.345.560	398.345.560
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		104.911,76	2.329,45
- EUR			0,85
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập, ngày 22 tháng 2 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Vũ Thị Thúy Nga

Nguyễn Thị Ánh Hoàng

Ngô Hữu Hoàn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	559.982.974.775
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	15	342.674.848
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	16	559.640.299.927
4. Giá vốn hàng bán	11	17	523.180.795.304
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		36.459.504.623
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	2.697.662.880
7. Chi phí tài chính	22	19	11.752.365.037
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.016.430.802
8. Chi phí bán hàng	24	20	4.596.871.748
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	8.959.811.526
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		13.848.119.192
11. Thu nhập khác	31		17.195.394.487
12. Chi phí khác	32		38.940.511
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		17.156.453.976
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		31.004.573.168
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	5.318.054.180
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	23	(12.085.712)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		25.698.604.700
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		122.318.778
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		25.576.285.922
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	6.678

Lập, ngày 22 tháng 2 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Vũ Thị Thúy Nga

Nguyễn Thị Ánh Hương

Ngô Hữu Hoàn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		31.004.573.168
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02		818.426.461
- Các khoản dự phòng	3		516.975.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		33.256.326
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.680.472.763)
- Chi phí lãi vay	06		9.016.430.802
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		38.709.188.994
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.881.910.797
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(132.351.406.178)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		58.641.998.782
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		48.569.653
- Tiền lãi vay đã trả	13		(8.902.222.282)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.732.450.067)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(13.004.418.990)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(57.708.829.291)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(30.897.247.212)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		92.836.390
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.503.503.833
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27.800.906.989)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		54.032.050.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(2.483.300)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		568.988.012.537
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(455.476.887.159)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.501.110.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		163.039.582.078
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		77.529.845.798
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.339.463.601
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(52.472.134)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V-1	80.816.837.265

Lập, ngày 22 tháng 2 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Vũ Thị Thúy Nga

Nguyễn Thị Ánh Hoàng

Ngô Hữu Hoàn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *Năm 2009*

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ Phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thiên Nam là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước “Công ty thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu quận 10” theo Quyết định số 58/2000/QĐ-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000195 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng nông, thủy hải sản, lương thực, thực phẩm, điện tử, xe gắn máy, nguyên nhiên vật liệu, vật tư, máy móc thiết bị, phân bón, phương tiện vận tải, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, mỹ phẩm;
- Dịch vụ nhận ủy thác xuất nhập khẩu các mặt hàng Nhà nước cho phép;
- Tổ chức các hoạt động dịch vụ cầm đồ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, karaoke (không kinh doanh tại trụ sở), cho thuê văn phòng đại diện, kinh doanh vàng bạc, salon auto, sửa chữa xe, tráng rọi ảnh màu, máy văn phòng, photocopy, diệt trừ mối;
- Mua bán, đại lý, ký gởi các mặt hàng công nghệ phẩm, lương thực, thực phẩm, vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, rượu, thuốc lá nội, nông sản, thủy hải sản, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư, máy móc thiết bị, mỹ phẩm, sách và văn hóa phẩm;
- Mua bán hàng điện gia dụng, hạt nhựa, vật tư ngành ảnh, văn phòng phẩm, băng nhạc - đĩa nhạc, đồ điện gia dụng, giày da, túi xách, đồng hồ, mắt kính, cơ điện lạnh, máy giặt, xe gắn máy và phụ tùng, xe đạp, quần áo, bia, nước giải khát (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống);
- Đại lý ký gởi hàng hóa;
- Thu mua và chế biến hàng nông-thủy-hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ sửa chữa máy ảnh, chụp ảnh, quay video, cho thuê đồ cưới, cho thuê xe du lịch;
- Cho thuê, kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Mua bán sắt thép, kim loại phế liệu và dịch vụ phá dỡ tàu thuyền, ô tô cũ (không hoạt động tại trụ sở);
- Mua bán xe ô tô;
- Mua bán gỗ rừng trồng, gỗ nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Kinh doanh lữ hành nội địa.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 432 Lý Thái Tổ, Phường 10, Quận 10, Tp.HCM

4. Tổng số các công ty con: 01 (một) Công ty con.

5. Thông tin về Công ty con được hợp nhất:

Công ty TNHH Công Nghệ Phẩm Thiên Nam:

- Địa chỉ: 451-453 Nguyễn Tri Phương, Phường 8, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.
- Vốn điều lệ: 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 80%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 80%

II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. **Niên độ kế toán** của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III Chế độ kế toán áp dụng:

1. **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính.
2. **Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chứng từ.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 432 Lý Thái Tổ, Phường 10, Quận 10, Tp.HCM

2.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

2.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

2.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1 Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2 Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra

4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế theo giá gốc.

4.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

5. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

6. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:

6.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phạt trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phạt trội trong kỳ đó.

6.2 Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ: Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

7. Ghi nhận chi phí trả trước:

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

8. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

8.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

8.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

8.3 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

9. Kế toán các hoạt động liên doanh:

9.1 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát:

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

9.2 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 432 Lý Thái Tổ, Phường 10, Quận 10, Tp.HCM

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

10. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

11. Nguồn vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

12.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

12.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

12.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 432 Lý Thái Tổ, Phường 10, Quận 10, Tp.HCM

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2009

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN		
-Tiền mặt	711.800.756	1.029.588.467
-Tiền gửi ngân hàng	80.105.036.509	2.309.875.134
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	80.816.837.265	3.339.463.601
2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN		
Đầu tư ngắn hạn khác		3.970.703.926
Cộng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		3.970.703.926
3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN		
3.1- Phải thu khách hàng	65.052.850.667	69.009.103.128
3.2- Trả trước cho người bán	13.839.193.213	19.448.281.983
3.3- Các khoản phải thu khác	264.109.579	3.002.521.814
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	79.156.153.459	91.459.906.925
4. HÀNG TỒN KHO		
4.1- Giá gốc hàng tồn kho	213.474.889.110	81.123.482.932
+ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	314.179.273	22.706.333.929
+ Hàng hóa	213.160.709.837	58.417.149.003
4.2- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(516.975.000)	
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	212.957.914.110	81.123.482.932
 Ghi chú (*): Đây là khoản trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho của lô thép bị gỉ sét do ngập nước có trị giá gốc tồn kho là 1.221.362.406 đồng (đơn vị xác định mức trích lập căn cứ vào số tiền được bồi thường do bên cho thuê kho gây thiệt hại).		
5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC		
5.1- Chi phí trả trước ngắn hạn	21.823.592	11.400.000
5.2- Thuế GTGT được khấu trừ	2.958.287.390	2.984.439.411
5.3- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7.223.636.364	
5.4- Tài sản ngắn hạn khác	4.073.379.014	4.638.319.200
+ Tạm ứng	335.054.000	112.251.000
+ Ký quỹ ngắn hạn	3.738.325.014	4.526.068.200
Cộng tài sản ngắn hạn khác	14.277.126.360	7.634.158.611
7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG		
Công trình cao ốc văn phòng tại số 111-121 Ngô Gia Tự, quận 10, Tp.HCM (*)	39.040.382.960	10.576.332.299
Công trình trung tâm thương mại & cao ốc văn phòng 279 CMT8, quận 10, Tp.HCM	552.719.419	1.888.510
Cộng chi phí xây dựng cơ bản dở dang	39.593.102.379	10.578.220.809

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 432 Lý Thái Tổ, Phường 10, Quận 10, Tp.HCM

Ghi chú (*): Công trình cao ốc văn phòng đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này đang trong giai đoạn hoàn thành và đưa vào sử dụng (xin lưu ý rằng đơn vị đã ký hợp đồng chuyển nhượng số 135/2009/HĐCN ngày 24/11/2009 giữa đơn vị và Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam; theo hợp đồng này đơn vị chuyển nhượng 1 phần của công trình với tổng giá chuyển nhượng là 99.325.000.000 đồng; Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam đã chuyển trước cho đơn vị số tiền là 79.460.000.000 đồng).

8. TĂNG GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

KHOẢN MỤC	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá	4.668.930.628	319.466.405		4.988.397.033
- Quyền SD đất				
- Nhà	4.668.930.628	319.466.405		4.988.397.033
- Nhà và quyền SD đất				
- Cơ sở hạ tầng				
II. Giá trị hao mòn LK	1.208.445.984	439.462.306		1.647.908.290
- Quyền SD đất				
- Nhà	1.208.445.984	439.462.306		1.647.908.290
- Nhà và quyền SD đất				
- Cơ sở hạ tầng				
III. Giá trị còn lại	3.460.484.644			3.340.488.743
- Quyền SD đất				
- Nhà	3.460.484.644			3.340.488.743
- Nhà và quyền SD đất				
- Cơ sở hạ tầng				

9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**9.1- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Đầu tư vào Công ty CP Kinh Doanh Nhà Nam Hưng Thịnh (tỷ lệ góp vốn 49,11% trên vốn điều lệ)

Số cuối năm**30.200.000.000****Số đầu năm**

30.200.000.000

9.2- Đầu tư dài hạn khác

Bệnh viện mắt Việt Hàn

1.500.000.000

1.500.000.000

Cộng đầu tư dài hạn khác**31.700.000.000****10. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

10.1- Chi phí trả trước dài hạn

Số cuối năm

194.847.076

Số đầu năm

253.840.321

+ Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ

167.461.663

196.579.912

+ Chi phí sửa chữa

27.385.413

57.260.409

10.2- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

12.085.712

+ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ

12.085.712

10.3- Tài sản dài hạn khác (đặt cọc thuê nhà)

75.000.000

Cộng chi phí trả trước dài hạn**281.932.788****253.840.321**

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 432 Lý Thái Tổ, Phường 10, Quận 10, Tp.HCM

11. NỢ NGẮN HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm
11.1- Vay và nợ ngắn hạn	179.752.282.532	63.143.770.907
Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 10 Tp.HCM	35.408.232.087	7.905.677.041
Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Á	23.636.400.222	3.150.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Tp.HCM		7.350.005.250
Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Việt (# 1,422,760.00 USD)	25.525.737.160	
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn - CN. Lý Thường Kiệt	30.094.137.801	5.088.088.616
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Lộc	53.333.155.000	39.650.000.000
Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình (# 655,182.00 USD)	11.754.620.262	
11.2- Phải trả người bán	2.626.427.484	743.559.692
11.3- Người mua trả tiền trước	86.801.320.539	24.680.391.546
11.4- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.984.447.927	1.767.661.237
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	786.289	
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	301.212.355	88.299.702
Thuế nhập khẩu	174.092.384	721.634.703
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.486.109.260	900.505.147
Thuế thu nhập cá nhân	22.247.639	57.221.685
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.		
11.5- Phải trả người lao động	2.682.666.858	2.082.189.386
11.6- Chi phí phải trả	246.482.861	162.152.500
11.7- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18.153.158.200	11.372.835.487
Cộng nợ ngắn hạn	294.246.786.401	103.952.560.755

12. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ cho thuê mặt bằng của		
Bệnh viện mắt Việt Hàn	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty liên doanh TNHH KFC	570.523.800	539.868.600
Công ty TNHH Dịch vụ Thiên Nam Hòa	120.000.000	120.000.000
Công ty Thương mại vỏ xe Triều Hải	180.000.000	180.000.000
Công ty TNHH một thành viên Tân Việt Mỹ	400.000.000	400.000.000
Công ty TNHH Tư vấn & Dịch vụ Kế toán KTC	33.747.021	31.933.737
Công ty CP Thế giới đồ chơi	93.000.000	93.000.000
Công ty Vương Đoàn	49.732.452	
Công ty Quốc Chinh	24.866.226	
Công ty TNHH TAAP International	23.682.120	
Văn phòng đại diện KTP	20.000.000	
Phan Thị	8.200.000	
Cộng phải trả dài hạn khác	3.023.751.619	2.864.802.337

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	20,68%	16.544.000.000	6.825.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	79,32%	63.456.000.000	26.175.000.000
Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu	100%	80.000.000.000	33.000.000.000

với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Vốn đầu tư của chủ SH		
- Vốn góp đầu năm	33.000.000.000	33.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	47.000.000.000	
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	33.000.000.000
d) Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 432 Lý Thái Tổ, Phường 10, Quận 10, Tp.HCM

+ Số lượng cp đăng ký phát hành	8.000.000	3.300.000
+ Số lượng cp đã bán ra công chúng	8.000.000	3.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	3.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
+ Số lượng cp được mua lại	251	
- Cổ phiếu phổ thông	251	
- Cổ phiếu ưu đãi		
+ Số lượng cp đang lưu hành	7.999.749	3.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.999.749	3.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/cp

Ghi chú: Số lượng cổ**e) Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	9.460.555.259	6.999.611.756
- Quỹ dự phòng tài chính	2.564.385.060	1.526.878.696
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(131.980.710)	(303.852.499)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	527.199.316	(24.639.540)

Ghi chú: Để có nguồn chi kịp thời, trong 6 tháng đầu năm 2009 đơn vị tạm trích các quỹ căn cứ vào mức trích theo quyết định của đại hội cổ đông năm trước về việc trích lập các quỹ. Do đó số liệu này có thể thay đổi tùy thuộc vào mức trích lập trong năm của Đại hội cổ đông công ty.

14. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>
Doanh thu bán hàng	541.951.604.898
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.137.096.719
Doanh thu cho thuê bất động sản	15.894.273.158
Cộng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	559.982.974.775

15. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm nay</u>
Hàng bán bị trả lại	342.674.848
Cộng các khoản giảm trừ doanh thu	342.674.848

16. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>
Doanh thu thuần bán hàng	541.608.930.050
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.137.096.719
Doanh thu thuần cho thuê bất động sản	15.894.273.158
Cộng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	559.640.299.927

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	516.331.915.175
Giá vốn của hoạt động cho thuê bất động sản	6.848.880.129
Cộng giá vốn hàng bán	523.180.795.304

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>
Lãi tiền gửi	1.221.204.059
Lãi bán hàng trả chậm	625.317.267
Cổ tức, lợi nhuận được chia	825.559.285
Lãi từ hoạt động liên doanh	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.507.269
Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.075.000
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	2.697.662.880

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>
Lãi tiền vay	9.016.430.802
Lãi mua hàng trả chậm	

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 432 Lý Thái Tổ, Phường 10, Quận 10, Tp.HCM

Chiết khấu thanh toán	
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.702.677.909
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	33.256.326
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	
Lỗ bán chứng khoán	
Cộng chi phí tài chính	11.752.365.037
20. CHI PHÍ BÁN HÀNG	Năm nay
Chi phí nhân viên	2.565.400.252
Chi phí vật liệu, bao bì, công cụ lao động	250.905.340
Khấu hao tài sản cố định	75.005.982
Thuế, phí, lệ phí	99.122.464
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.054.904.989
Chi phí bằng tiền khác	551.532.721
Cộng chi phí bán hàng	4.596.871.748
21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Năm nay
Chi phí nhân viên	6.394.086.366
Chi phí vật liệu, bao bì, công cụ lao động	429.461.295
Khấu hao tài sản cố định	239.788.689
Thuế, phí, lệ phí	107.200.062
Chi phí dự phòng	362.633.150
Chi phí dịch vụ mua ngoài	637.782.480
Chi phí bằng tiền khác	788.859.484
Cộng chi phí quản lý doanh nghiệp	8.959.811.526
22. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH	Năm nay
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	5.318.054.180
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	5.318.054.180
23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI	Năm nay
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(12.085.712)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	(12.085.712)
24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU	Năm nay
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	25.698.604.700
hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân	
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	25.698.604.700
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.848.333
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.678

Lập, ngày 22 tháng 2 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Vũ Thị Thúy Nga

Nguyễn Thị Ánh Hương

Ngô Hữu Hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 432 Lý Thái Tổ, Phường 10, Quận 10, Tp.HCM

6. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

KHOẢN MỤC	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, TD	Thiết bị, dụng cụ QL	Tài sản cố định khác	Tổng Cộng
I. Nguyên giá						
1 Số dư đầu năm	1.771.075.436	274.422.792	1.370.936.723	94.936.684	196.243.803	3.707.615.438
2 Tăng trong năm		536.982.952	1.075.344.640	11.297.040		1.623.624.632
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua trong năm		536.982.952	1.075.344.640	11.297.040		1.623.624.632
- Đầu tư XD/CB hoàn thành						
- Tăng khác						
3 Giảm trong năm	319.466.405					319.466.405
<i>Bao gồm:</i>						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	319.466.405					319.466.405
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4 Số dư cuối năm	1.451.609.031	811.405.744	2.446.281.363	106.233.724	196.243.803	5.011.773.665
II. Giá trị hao mòn LK						
1 Số dư đầu năm	955.745.859	228.685.622	246.211.390	50.515.130	196.243.803	1.677.401.804
2 Tăng trong năm	133.433.850	66.676.164	154.518.069	24.336.072		378.964.155
- Khấu hao trong năm	133.433.850	66.676.164	154.518.069	24.336.072		378.964.155
- Tăng khác						
3 Giảm trong năm	112.570.084					112.570.084
<i>Bao gồm:</i>						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	112.570.084					112.570.084
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4 Số dư cuối năm	976.609.625	295.361.786	400.729.459	74.851.202	196.243.803	1.943.795.875
III. Giá trị còn lại						
1 Tại ngày đầu năm	815.329.577	45.737.170	1.124.725.333	44.421.554		2.030.213.634
2 Tại ngày cuối năm	474.999.406	516.043.958	2.045.551.904	31.382.522		3.067.977.790

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 432 Lý Thái Tổ, Phường 10, Quận 10, Tp.HCM

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Số dư đầu năm trước	33.000.000.000	42.681.336.364			4.414.609.738	1.284.841.152	(78.356.670)	8.965.202.567	90.267.633.151
Tăng vốn trong năm trước									
Lãi trong năm trước								14.370.726.162	14.370.726.162
Tăng khác					2.585.002.018	242.037.544	174.222.127		3.001.261.689
Giảm vốn trong năm trước									
Lỗ trong năm trước									
Giảm khác							399.717.956	10.182.151.195	10.581.869.151
Số dư cuối năm trước.					6.999.611.756	1.526.878.696	(303.852.499)	13.153.777.534	97.057.751.851
Số dư đầu năm nay	33.000.000.000	42.681.336.364			6.999.611.756	1.526.878.696	(303.852.499)	13.153.777.534	97.057.751.851
Tăng vốn trong năm nay	47.000.000.000	12.504.777.273							59.504.777.273
Lãi trong năm nay								25.576.285.922	25.576.285.922
Tăng khác			(2.483.300)		2.460.943.503	1.037.506.364	714.598.789		4.210.565.356
Giảm vốn trong năm nay									
Lỗ trong năm nay									
Giảm khác (*)				592.112.694			542.727.000	18.143.063.928	19.277.903.622
Số dư cuối năm nay	80.000.000.000	55.186.113.637	(2.483.300)	(592.112.694)	9.460.555.259	2.564.385.060	(131.980.710)	20.586.999.528	167.071.476.780

Ghi chú (*): Các khoản giảm khác của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối bao gồm:

	cộng
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế	6.703.063.928
+ Quỹ đầu tư phát triển	2.460.943.503
+ Quỹ dự phòng tài chính	1.037.506.364
+ Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	714.598.789
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.490.015.272
- Trích lập cổ tức phải trả	5.940.000.000
- Chi cổ phiếu thưởng	5.500.000.000
cộng	18.143.063.928

